ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 9948 /KH-UBND	*Phú Thọ, ngày 25 tháng 11 năm 2025*

KẾ HOẠCH

Tuyển dụng giáo viên theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ; xét tuyển viên chức giáo viên và nhân viên sự nghiệp giáo dục, năm 2025

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023; Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022; Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022; Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ: Y tế, Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024; Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 502/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính, tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2025; Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã năm 2025; Quyết định số 746/2025/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên cấp tỉnh, cấp huyện năm 2025; Công văn số 5727/UBND-KGVX1 ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ;

Xét Tờ trình số …/TTr-SGD&ĐT ngày …/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục năm 2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch tuyển dụng), như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục nhằm bảo đảm đủ chỉ tiêu biên chế viên chức giáo viên, nhân viên được giao; chọn những người am hiểu nghề nghiệp, chính sách pháp luật của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao của từng cơ sở giáo dục công lập, để tuyển dụng những người bảo đảm chất lượng, đủ điều kiện và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm của giáo viên cần tuyển dụng;

- Việc tổ chức tuyển dụng viên chức phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; đảm bảo nghiêm túc, dân chủ, công khai, công bằng và chất lượng;

- Người đăng ký dự tuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong hồ sơ đăng ký dự tuyển. Các trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị loại hồ sơ, hủy kết quả tuyển dụng và xử lý theo quy định của pháp luật.

II. CHỈ TIÊU VÀ QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Chỉ tiêu tuyển dụng[1]

Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng: 1.568 hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước, trong đó:

1.1. Tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ

Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng: 60, trong đó:

- Giáo viên Mầm non hạng III (Mã số: V.07.02.26): 05 chỉ tiêu;

- Giáo viên Tiểu học hạng III (Mã số: V.07.03.29): 25 chỉ tiêu (Văn hóa Tiểu học: 20, Tiếng Anh: 05);

- Giáo viên Trung học cơ sở hạng III (Mã số: V.07.04.32): 22 chỉ tiêu (Toán: 05; KHTN (Vật lý): 03; KHTN (Hóa học): 02; Ngữ văn: 5, Tiếng Anh: 05, Tin học: 02);

---

[1] - Tổng số biên chế được giao: **61.425** (đơn vị trực thuộc Sở: 7821, trực thuộc xã: 53.604);

- Tổng số biên chế có mặt: **58.354**;

- Số biên chế còn thiếu so với chỉ tiêu được giao: **3.071**;

- **Số đề nghị tuyển: 2.585** (thu hút và xét tuyển:1568; tiếp nhận: 1.017).

- Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số: V.07.05.15): 08 chỉ tiêu (Toán: 02; Hóa học: 01; Sinh học: 01; Lịch sử: 02, Địa lí: 01, Tiếng Nhật: 01).

1.2. Xét tuyển viên chức giáo viên và nhân viên của các cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, GDNN-GDTX)

Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng: 1.508; Trong đó:

a) Khối Mầm non

- Giáo viên Mầm non hạng III (Mã số: V.07.02.26): 280 chỉ tiêu;

- Kế toán viên trung cấp (Mã số: V.06.032): 17 chỉ tiêu;

- Văn thư viên trung cấp (Mã số: 02.008): 16 chỉ tiêu;

- Thư viện viên hạng IV (Mã số: V.10.02.07): 04 chỉ tiêu;

- Y sĩ hạng IV (Mã số: V.08.03.07): 02 chỉ tiêu.

b) Khối Tiểu học

- Giáo viên Tiểu học hạng III (Mã số: V.07.03.29): 576 chỉ tiêu (Văn hóa Tiểu học: 331, Tiếng Anh: 73; Giáo dục thể chất: 71; Nghệ thuật (Âm nhạc): 30; Nghệ thuật (Mỹ thuật): 22, Tin học: 49);

- Kế toán viên trung cấp (Mã số: V.06.032): 05 chỉ tiêu;

- Văn thư viên trung cấp (Mã số: 02.008): 10 chỉ tiêu;

- Y sĩ hạng IV (Mã số: V.08.03.07): 03 chỉ tiêu;

- Thư viện viên hạng IV (Mã số: V.10.02.07): 07 chỉ tiêu.

c) Khối THCS

- Giáo viên Trung học cơ sở hạng III (Mã số: V.07.04.32): 469 chỉ tiêu (Toán học: 63, Khoa học tự nhiên (Vật lí): 44, Khoa học tự nhiên (Hóa học): 24, Khoa học tự nhiên (Sinh học): 22, Ngữ văn: 73, Lịch sử và Địa lí (Lịch sử): 36, Lịch sử và Địa lí (Địa lí): 39, Tiếng Anh: 64, Giáo dục công dân: 8, Công nghệ: 8, Giáo dục thể chất: 26, Nghệ thuật (Âm nhạc): 25, Nghệ thuật (Mỹ thuật): 13; Tin học: 24);

- Kế toán viên trung cấp (Mã số: V.06.032): 06 chỉ tiêu;

- Thiết bị, thí nghiệm (Mã số: V.07.07.20): 13 chỉ tiêu;

- Văn thư viên trung cấp (Mã số: 02.008):13 chỉ tiêu;

- Thư viện viên hạng IV (Mã số: V.10.02.07): 06 chỉ tiêu;

- Y sĩ hạng IV (Mã số V.08.03.07): 09 chỉ tiêu.

d) Khối THPT, GDNN-GDTX

- Giáo viên Trung học phổ thông hạng III (Mã số: V.07.05.15): 45 (Toán: 09; Tin học: 02; Công nghệ (Kỹ thuật công nghiệp): 02; Sinh học: 01; Ngữ văn: 03; Lịch sử: 06; Địa lí: 08; Giáo dục kinh tế và Pháp luật: 03; Giáo dục thể chất: 02; Giáo dục quốc phòng và An ninh: 04; Tiếng anh: 05);

- Kế toán viên trung cấp (Mã số: V.06.032): 07 chỉ tiêu;

- Văn thư viên trung cấp (Mã số: 02.008): 08 chỉ tiêu;

- Thư viện viên hạng IV (Mã số V.10.02.07): 01 chỉ tiêu;

- Giáo vụ (Mã số V.07.07.21): 07 chỉ tiêu;

- Thiết bị, thí nghiệm (Mã số V.07.07.20): 04 chỉ tiêu.

(Chi tiết về chỉ tiêu tuyển dụng viên chức theo phụ lục đính kèm)

2. Quy định về đăng ký dự tuyển

2.1. Tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP

- Mỗi thí sinh dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm thuộc 01 cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;

- Trường hợp thí sinh đăng ký dự tuyển vào 02 vị trí việc làm trở lên trong bảng phụ lục chỉ tiêu tuyển dụng viên chức hoặc Phiếu đăng ký dự tuyển khai không đúng theo quy định thì Hội đồng Tuyển dụng sẽ loại thí sinh đó ra khỏi danh sách dự thi hoặc hủy bỏ kết quả tuyển dụng.

2.2. Xét tuyển viên chức giáo viên và nhân viên của các cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, GDNN-GDTX)

Mỗi thí sinh dự tuyển được đăng ký 02 nguyện vọng (nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2) với cùng vị trí tuyển dụng và tiêu chuẩn điều kiện giống nhau; chỉ khác nhau về đơn vị đăng ký dự tuyển.

III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN (Người tham gia dự tuyển viên chức ngành Giáo dục năm 2025 gọi tắt là thí sinh)

1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung của thí sinh khi đăng ký dự tuyển

Thí sinh có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;

- Từ đủ 18 tuổi trở lên. Đối với một số lĩnh vực hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, tuổi dự tuyển có thể thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời, phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật;

- Có đơn đăng ký dự tuyển;

- Có lý lịch rõ ràng;

- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;

- Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn riêng của thí sinh khi đăng ký dự tuyển theo từng loại hình tuyển dụng

2.1. Tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP

Ngoài những quy định tại mục 1 phần III nêu trên, thí sinh dự tuyển (sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng) đáp ứng một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

a) Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên tại cơ sở giáo dục đại học uy tín trên thế giới được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

b) Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và thuộc một trong các trường hợp đạt thành tích cá nhân sau:

- Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

- Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học;

- Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển viên chức giáo viên và nhân viên các cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, GDNN-GDTX)

Ngoài những quy định tại mục 1 của phần III nêu trên, thí sinh dự tuyển phải đảm bảo về trình độ chuyên môn của vị trí việc làm cần tuyển theo quy định dưới đây:

2.2.1. Vị trí giáo viên Tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29)

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên;

- Đối với giáo viên Tiểu học: Giáo viên dạy môn Văn hóa tiểu học có chuyên ngành sư phạm giáo dục tiểu học; giáo viên các môn Tiếng Anh, Tin học, Giáo dục thể chất có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đúng với chuyên ngành cần tuyển (nếu không phải chuyên ngành sư phạm thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng).

2.2.2. Vị trí giáo viên Trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32): Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên Trung học cơ sở đúng chuyên ngành cần tuyển hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

2.2.3. Vị trí giáo viên Trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15): Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên Trung

học phổ thông đúng chuyên ngành cần tuyển hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

2.2.4. Vị trí kế toán viên trung cấp (mã số V.06.032): Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.

2.2.5. Vị trí nhân viên văn thư (mã số: 02.008): Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

2.2.6. Vị trí Thư viện viên hạng IV (V.10.02.07): Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

2.2.7. Vị trí Giáo vụ (Mã số: V.07.07.21): Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giáo vụ theo quy định.

2.2.8. Vị trí Y sĩ hạng IV (Mã số V.08.03.07): Có bằng tốt nghiệp y sĩ trình độ trung cấp.

2.2.9. Vị trí Thiết bị, thí nghiệm (mã số V.07.07.20): Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành được đào tạo là một trong các môn học được giảng dạy ở đơn vị đăng ký dự tuyển và hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức thiết bị, thí nghiệm theo quy định.

Lưu ý:

- Thí sinh đăng ký dự tuyển các vị trí nêu trên nếu có bằng tốt nghiệp đào tạo môn ghép hoặc song ngữ thì thí sinh được quyền lựa chọn nộp hồ sơ vào vị trí đăng ký dự tuyển có một trong hai chuyên ngành đào tạo;

- Thí sinh có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật ra tiếng Việt và được Trung tâm công nhận bằng thuộc Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

3. Đối tượng không được đăng ký dự tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ, LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự xét tuyển

Thí sinh đăng ký dự tuyển nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: số 1166, đường Hùng Vương, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ. Hồ sơ bao gồm:

1.1. Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu đính kèm Kế hoạch này).

1.2. Bản photocopy các bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận (xác nhận) tốt nghiệp hoặc quyết định công nhận tốt nghiệp, bảng điểm kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

1.3. 04 phong bì có dán tem và ghi rõ tên người nhận, địa chỉ, số điện thoại (trường hợp địa chỉ người nhận không phải là người dự tuyển thì phải ghi chú thêm họ, tên của người dự tuyển, vị trí dự tuyển).

1.4. Giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền cấp (bản sao chứng thực). Các giấy tờ minh chứng như sau:

- Đối với đối tượng ưu tiên là người dân tộc thiểu số: Giấy khai sinh, thẻ căn cước công dân;

- Đối với đối tượng là con thương binh, bệnh binh; con của người hưởng chính sách như thương binh: Thẻ thương binh hoặc bệnh binh, giấy khai sinh hoặc thẻ căn cước công dân;

- Đối với đối tượng con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: Quyết định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về hưởng chính sách chất độc hóa học; giấy khai sinh, thẻ căn cước công dân;

- Đối với đối tượng là con liệt sỹ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: giấy tờ minh chứng có liên quan;

- Đối với đối tượng là sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị: Quyết định phục viên, quyết định chuyển ngành, các giấy tờ minh chứng liên quan;

- Đối tượng là người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Giấy phục viên, hoàn thành nghĩa vụ; giấy chứng nhận tham gia thanh niên xung phong hoặc giấy tờ minh chứng khác có liên quan;

- Đối tượng là cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: giấy chứng nhận hoặc văn bản có liên quan.

1.5. Các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận thành tích đạt được (đối với thí sinh thuộc đối tượng tuyển thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ).

1.6. Văn bản chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc hoặc nghỉ việc đối với người dự tuyển là cán bộ, công chức, viên chức (nếu có). Văn bản này sẽ nộp cho Hội đồng Tuyển dụng sau khi có thông báo kết quả trúng tuyển.

Lưu ý:

- Phiếu đăng ký dự xét tuyển và các giấy tờ kèm theo được đựng trong túi hồ sơ và được sắp xếp theo trình tự nêu trên; ngoài bìa ghi rõ họ tên và đầy đủ các thông tin theo quy định của Hội đồng Tuyển dụng. Địa chỉ liên lạc, điện thoại, email (nếu có);

- Phiếu đăng ký dự tuyển không được tẩy xóa, sửa chữa và người đăng ký dự tuyển phải ký tên vào từng trang (góc dưới bề phải) của phiếu đăng ký dự tuyển;

- Người đăng ký dự tuyển không được bổ sung các loại giấy tờ có xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

2. Thời gian, địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển và lệ phí dự tuyển

2.1. Thời gian: Thời hạn tiếp nhận hồ sơ dự tuyển là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Thông báo tuyển dụng được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ.

2.2. Địa điểm: Thí sinh đăng ký dự tuyển nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: số 1166, đường Hùng Vương, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.

2.3. Lệ phí dự tuyển: thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Mức thu phí dự tuyển: 300.000 đồng/hồ sơ/thí sinh (ba trăm nghìn đồng chẵn/hồ sơ/thí sinh).

3. Một số lưu ý khi tham gia dự tuyển

3.1. Thí sinh dự tuyển chưa có bằng tốt nghiệp chuyên môn phải có giấy chứng nhận (xác nhận) tốt nghiệp hoặc Quyết định công nhận tốt nghiệp và thời điểm Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển phải có Bằng tốt nghiệp (bản chính), khi nhận quyết định tuyển dụng phải có Bằng tốt nghiệp (bản chính) để đối chiếu. Trường hợp chưa có bằng tốt nghiệp hoặc có Bằng tốt nghiệp sau ngày Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng tuyển, thí sinh sẽ không được công nhận kết quả trúng tuyển.

3.2. Thí sinh trúng tuyển phải nộp bổ sung bản sao có công chứng hoặc chứng thực các văn bằng, chứng chỉ; bảng điểm; giấy tờ xác định đối tượng ưu tiên (nếu có); Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp; Văn bản chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc hoặc nghỉ việc đối với người dự tuyển là cán bộ, công chức, viên chức (nếu có); đồng thời xuất trình bản chính để đối chiếu, kiểm tra và phải chấp hành sự phân công công tác của tổ chức.

3.3. Hồ sơ dự tuyển không trả lại cho thí sinh đăng ký dự tuyển và không sử dụng lại để thi tuyển hoặc xét tuyển lần sau.

3.4. Thí sinh đăng ký dự tuyển phải kê khai đúng, đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các

thông tin trong Phiếu đăng ký dự tuyển của mình. Trường hợp khai không đúng thông tin, giả mạo văn bằng, chứng chỉ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và hủy bỏ kết quả thi; trường hợp đã có quyết định tuyển dụng viên chức sẽ bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

3.5. Không nhận hồ sơ dự tuyển đối với các trường hợp sau:

- Phiếu đăng ký dự tuyển bị tẩy xóa, không đúng mẫu quy định, không đầy đủ danh mục theo quy định;

- Người dự tuyển không thuộc đối tượng tuyển dụng hoặc không đủ điều kiện đăng ký dự tuyển.

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, CÁCH XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN, ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ TUYỂN DỤNG

1. Nội dung, hình thức của từng loại hình tuyển dụng

1.1. Tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ

a) Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển

b) Nội dung xét tuyển được thực hiện theo 02 vòng:

- Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

+ Hình thức thi: Thực hành.

+ Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

+ Thời gian thi: tối đa 30 phút/thí sinh (trước khi thi, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị).

1.2. Xét tuyển viên chức giáo viên và nhân viên của các cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, GDNN-GDTX)

a) Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển

b) Nội dung xét tuyển được thực hiện theo 02 vòng:

- Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

+ Hình thức thi: Thi viết.

+ Nội dung thi: kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

+ Thời gian thi: 180 phút.

2. Thời gian, địa điểm tổ chức tuyển dụng

2.1. Đối với loại hình tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP

a) Thời gian:

- Vòng 1: dự kiến trong tháng 12 năm 2025;

- Vòng 2: dự kiến trong tháng 12 năm 2025.

b) Địa điểm: Dự kiến tổ chức tại Trường THPT Chuyên Hùng Vương, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

c) Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển và lịch sát hạch cụ thể sẽ thông báo trên Trang điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ và được niêm yết công khai theo quy định.

2.2. Đối với loại hình xét tuyển viên chức giáo viên và nhân viên của các cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, GDNN-GDTX)

a) Thời gian:

- Vòng 1: dự kiến trong tháng 12 năm 2025;

- Vòng 2: dự kiến trong tháng 12 năm 2025.

b) Địa điểm: Dự kiến tổ chức tại Trường THPT Chuyên Hùng Vương, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

c) Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển và lịch sát hạch cụ thể sẽ thông báo trên Trang điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ và được niêm yết công khai theo quy định.

3. Đăng ký lại đơn vị dự tuyển sau khi có kết quả phê duyệt danh sách người đủ điều kiện đăng ký xét tuyển diện thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP

- Sau 30 ngày tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển đối với thí sinh đăng ký xét tuyển diện thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP, Hội đồng tổng hợp và trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện đăng ký xét tuyển diện thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP; thống kê danh sách những đơn vị hết chỉ tiêu tuyển dụng diện xét tuyển theo từng vị trí việc làm do đã có thí sinh đăng ký xét tuyển diện thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP và thông báo công khai tới thí sinh.

- Thí sinh đăng ký dự xét tuyển vào cơ quan, đơn vị hết chỉ tiêu tuyển dụng theo vị trí việc làm do có người đăng ký xét tuyển diện thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP phải đăng ký lại nguyện vọng vào đơn vị khác có chỉ tiêu tuyển dụng (nếu không đăng ký lại nguyện vọng sẽ bị loại tên khỏi danh sách dự thi. Việc đăng ký lại nguyện vọng chỉ thực hiện đối với đơn vị hết chỉ tiêu tuyển dụng theo vị trí việc làm).

- Trường hợp thí sinh đăng ký tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP không trúng tuyển được phép đăng ký ở loại hình xét tuyển.

4. Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng

Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển: Thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; cụ thể như sau:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Lưu ý đối với các trường hợp cộng điểm ưu tiên:

- Trường hợp thí sinh dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên như trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

- Không tính điểm ưu tiên vào kết quả điểm tuyển dụng đối với trường hợp thí sinh tuyển dụng bổ sung các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

5. Xác định thí sinh trúng tuyển

5.1. Thí sinh trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng giáo viên, nhân viên phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

5.2. Trường hợp có từ 02 thí sinh trở lên có tổng số điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì thực hiện xác định thí sinh trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- Người có trình độ đào tạo theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng cao hơn (trình độ tiến sĩ, thạc sĩ học chuyên ngành đúng với ngành đào tạo trình độ đại học; trình độ đại học chuyên ngành đúng với ngành đào tạo trình độ Cao đẳng);

- Trường hợp có cùng trình độ đào tạo thì tuyển người xếp loại tốt nghiệp cao hơn theo thứ tự sau: Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình Khá và Trung bình.

- Nếu cùng một loại tốt nghiệp Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình Khá và Trung bình thì tuyển người có điểm trung bình chung học tập toàn khóa cao hơn:

+ Trường hợp học tín chỉ điểm trung bình chung học tập toàn khóa chỉ tính theo thang điểm 4;

+ Trường hợp có thí sinh học tín chỉ, có thí sinh học niên chế thì điểm trung bình chung học tập toàn khóa của thí sinh học tín chỉ, tính theo thang điểm 4 (quy đổi sang thang điểm 10 bằng cách lấy kết quả điểm tín chỉ thang điểm 4 nhân với 2,5) để về cùng thang điểm 10;

+ Trường hợp nếu có thang điểm khác nhau thực hiện quy về thang điểm 10.

5.3. *Nếu vẫn không xác định được* thì Chủ tịch Hội đồng Tuyển dụng báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định người trúng tuyển.

5.4. *Thí sinh không trúng tuyển* trong kỳ tuyển dụng viên chức không được bảo lưu kết quả cho các kỳ tuyển dụng lần sau.

6. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, thí sinh trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ và nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm, giấy tờ xác định đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Hợp đồng lao động, bản xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội do cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp (nếu có).

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp.

b) Trường hợp thí sinh trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định hủy kết qủa trúng tuyển.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng Tuyển dụng, có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng Tuyển dụng tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyển dụng.

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Hội đồng Tuyển dụng, Ban Giám sát kỳ tuyển dụng. Hội đồng Tuyển dụng có trách nhiệm triển khai thực hiện tuyển dụng theo đúng Kế hoạch này và Nội quy, quy

chế tuyển dụng được ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành thông báo tuyển dụng và đăng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Phú Thọ; Cổng thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ; Trang thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo; niêm yết danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia thi và kết quả thi nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2; các thông tin liên quan đến xét tuyển được đăng tải trên trang thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo, địa chỉ: https://phutho.edu.vn/

- Thành lập bộ phận tiếp nhận hồ sơ dự tuyển của thí sinh theo quy định, bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm: tiếp nhận phiếu, hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển.

- Trình Hội đồng Tuyển dụng quyết định thành lập các ban, bộ phận giúp việc: Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Ban kiểm tra sát hạch, Tổ thư ký, Tổ giúp việc...

- Tham mưu giúp Hội đồng Tuyển dụng: Triệu tập thí sinh có đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét tuyển và thông báo cho thí sinh về kế hoạch tổ chức xét tuyển; nội dung, hình thức; thời gian, địa điểm; tổ chức các ngày thi nghiệp vụ chuyên ngành vòng 2, chuẩn bị tài liệu và các điều kiện khác phục vụ kỳ xét tuyển (Thí sinh chủ động xem các thông báo trên trang điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Tổ chức thu lệ phí và chi kinh phí theo các hoạt động của Hội đồng Tuyển dụng theo quy định của Nhà nước.

- Thông báo kết quả đến thí sinh dự xét tuyển.

- Báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả tuyển dụng; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận kết quả tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các sở, UBND xã, phường và các cơ quan có liên quan chuẩn bị nội dung tuyển dụng theo đúng quy định; đảm bảo kỳ tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai, công bằng, chất lượng và đúng quy chế.

2. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục năm 2025 và thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Tuyển dụng phân công.

3. Sở Tài chính thẩm định dự toán, trình UBND tỉnh cấp kinh phí tổ chức tuyển dụng; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đăng tải, thông báo các thông tin về Kế hoạch này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

5. Công an tỉnh phối hợp với Hội đồng Tuyển dụng và các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm an ninh trật tự, an toàn để kỳ tuyển dụng được tổ chức nghiêm túc, an toàn, đúng quy định của pháp luật.

6. Thanh tra tỉnh phối hợp với Hội đồng Tuyển dụng và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác giám sát kỳ tuyển dụng theo quy định của pháp luật; giải quyết khuyết nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức tuyển dụng.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình Phú Thọ đăng tải, thông báo các thông tin về Kế hoạch này trên sóng phát thanh truyền hình của tỉnh và trên Báo Phú Thọ theo quy định.

8. Công ty Điện lực Phú Thọ có phương án bảo đảm cung cấp điện liên tục, ổn định phục vụ kỳ tuyển dụng.

9. Trường THPT Chuyên Hùng Vương phối hợp với Hội đồng Tuyển dụng chuẩn bị cơ sở vật chất và tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng Tuyển dụng thực hiện nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ yêu cầu các sở, ban, ngành và các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch tuyển dụng này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- TT: TU, HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, GD&ĐT; VHTT&DL;
- Công an tỉnh;
- Trường Đại học Hùng Vương;
- Báo và PT, TH Phú Thọ;
- UBND các xã, phường;
- Công ty Điện lực Phú Thọ;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

(Ảnh 4x6)	**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN** **Vị trí dự tuyển[1]: .....** **Đơn vị dự tuyển[2]: .....**

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam[3] ☐ Nữ ☐

Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Số điện thoại di động: ..... Email: .....

Quê quán:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Thông tin về hộ khẩu (nếu có): .....

Tình trạng sức khỏe: .....Chiều cao: .....; Cân nặng: .....kg

Trình độ văn hóa: .....

Trình độ chuyên môn: .....

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH[4]

Mối quan hệ	**Họ và tên**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)**

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

V. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Nguyện vọng 1:

- Vị trí việc làm dự tuyển [1]: .....

- Đơn vị [2]: .....

2. Nguyện vọng 2 *(Nếu thông báo tuyển dụng không có các vị trí việc làm được đăng ký 02 nguyện vọng thì thí sinh không điền phần này)*:

- Vị trí việc làm dự tuyển [1]: .....

- Đơn vị [2]: .....

3. Đăng ký dự thi môn ngoại ngữ *(Đối với các vị trí việc làm tại thông báo tuyển dụng không yêu cầu ngoại ngữ thì thí sinh không điền phần này)*

3.1. Đăng ký dự thi ngoại ngữ [5]:

Tiếng Anh ☐ Tiếng Nga ☐ Tiếng Pháp ☐ Tiếng Đức ☐ Tiếng Trung Quốc ☐

Ngoại ngữ khác theo yêu cầu vị trí việc làm: .....

3.2. Miễn thi ngoại ngữ do (nếu có): .....

4. Đối tượng ưu tiên (nếu có): .....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và cam kết hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi nhận được thông báo trúng tuyển.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Ghi đúng tên vị trí việc làm đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng;

2. Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký tuyển dụng đối với từng nguyện vọng theo đúng Thông báo tuyển dụng;

3. Tích dấu X vào ô tương ứng;

4. Cha, mẹ đẻ; vợ (chồng); con đẻ; anh, chị, em ruột;

5. Tích dấu X vào ô tương ứng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG THU HÚT GIÁO VIÊN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 179/2024/NĐ-CP

(Kèm theo Kế hoạch số 9948/KH-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Tổng chỉ tiêu thu hút	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học			Giáo viên Trung học cơ sở							Giáo viên Trung học phổ thông						
			Tổng	Văn hoá Tiểu học	Tiếng Anh	Tổng	Toán	KHTN (Vật lí)	KHTN (Hóa học)	Ngữ văn	Tin học	Tiếng Anh	Tổng	Toán	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Nhật
1	60	5	25	20	5	22	5	3	2	5	2	5	8	2	1	1	2	1	1

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG (XÉT TUYỂN) GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN KHỐI TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Kế hoạch số 9948 /KH-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên trường	Tổng	Tổng	Chỉ tiêu tuyển dụng																					
				Giáo viên															Tổng	Nhân viên					
				Toán	Tin học	Vật lí	Công nghệ (KTCN)	Hóa học	Sinh học	Công nghệ (KTNN)	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	GD KT&PL	Giáo dục thể chất	GD QP&AN	Tiếng Anh	Tiếng Nhật		Giáo vụ	Kế toán	Văn thư	Thư viện	Thiết bị	Y tế
Tổng số		**80**	**53**	**11**	**2**	**0**	**2**	**1**	**2**	**0**	**3**	**8**	**9**	**3**	**2**	**4**	**5**	**1**	**27**	**7**	**7**	**8**	**1**	**4**	**0**
I	**Các Trường Trường THPT**	**74**	**48**	**9**	**2**	**0**	**2**	**1**	**2**	**0**	**2**	**8**	**7**	**3**	**2**	**4**	**5**	**1**	**26**	**7**	**6**	**8**	**1**	**4**	**0**
1	Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc	5	5	2								1	1					1	0						
2	Trường THPT Tam Dương	1																	1		1				
3	Trường THPT Kim Ngọc	1																	1		1				
4	Trường THPT chuyên Hùng Vương	3	3					1	1			1							0						
5	Trường PTDTNT THPT Thanh Ba	1	1						1								0		0						
6	Trường THPT Kỳ Sơn	1	1													1			0	0					
7	Trường THPT Phú Cường	4	3	1												1	1		1			1			
8	Trường THPT Thạch Yên	1	1									1							0						
9	Trường THPT Nam Lương Sơn	1	1													1			0						
10	Trường THPT Kim Bôi	2	2		0								1				1		0						
11	Trường THPT Sào Báy	1	1								0	1	0						0						
12	Trường THPT 19-5 Kim Bôi	1	1								1								0						
13	Trường THPT Bắc Sơn	1	1													1			0						
14	Trường THPT Thanh Hà	1	0																1		1				
15	Trường THPT Lạc Thủy	1	0																1			1	0		
16	Trường THPT Lạc Thủy C	1	1										1						0						

STT	Tên trường	Tổng		Chỉ tiêu tuyển dụng																					
			Tổng	Giáo viên															Tổng	Nhân viên					
				Toán	Tin học	Vật lí	Công nghệ (KT CN)	Hóa học	Sinh học	Công nghệ (KT NN)	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	GD KT&PL	Giáo dục thể chất	GD QP&AN	Tiếng Anh	Tiếng Nhật		Giáo vụ	Kế toán	Văn thư	Thư viện	Thiết bị	Y tế
17	Trường THPT Yên Thủy C	1	0																1			1			
18	Trường THPT Lạc Sơn	2	1									1							1				1		
19	Trường THPT Quyết Thắng	2	1											1					1		1				
20	Trường THPT Cộng Hòa	3	3	1			1										1		0						
21	Trường THPT Đại Đồng	3	3	1							1		1						0						
22	Trường THPT Tân Lạc	1	1									1							0						
23	Trường THPT Mường Bi	2	2		1												1		0						
24	Trường THPT Đoàn Kết	1	1									1							0						
25	Trường THPT Đà Bắc	2	2		1									1					0						
26	Trường THPT Yên Hòa	2	2	1			1												0						
27	Trường THPT Mường Chiềng	5	4	1									2	1					1					1	
28	Trường THPT Mai Châu	3	3	1									1		1				0						
29	Trường THPT Mai Châu B	3	3	1											1		1		0						
30	Trường PTDTNT THCS&THPT Cao Phong	3	0																3	1		1		1	
31	Trường PTDTNT THCS&THPT Kim Bôi	1	0																1	1					
32	Trường PTDTNT THCS&THPT Lạc Sơn	4	0																4	1	1	1		1	
33	Trường PTDTNT THCS&THPT Yên Thủy	3	0																3	1	1			1	
34	Trường PTDTNT THCS&THPT Mai Châu	2	0																2	1		1			
35	Trường PTDTNT THCS&THPT Đà Bắc	1	0																1			1			
36	Trường PTDTNT THCS & THPT Lương Sơn	1	0																1			1			

STT	Tên trường	Tổng		Chỉ tiêu tuyển dụng																					
			Tổng	Giáo viên															Tổng	Nhân viên					
				Toán	Tin học	Vật lí	Công nghệ (KT CN)	Hóa học	Sinh học	Công nghệ (KT NN)	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	GD KT&PL	Giáo dục thể chất	GD QP&AN	Tiếng Anh	Tiếng Nhật		Giáo vụ	Kế toán	Văn thư	Thư viện	Thiết bị	Y tế
37	Trường PTDTNT THCS&THPT Lạc Thủy	1	0																1	1	0	0	0	0	0
38	Trường PTDTNT THCS & THPT B Mai Châu	1	0																1	1	0	0	0	0	0
39	Trường PTDTNT THCS & THPT B Đà Bắc	1	1									1							0						
II	**Các Trung tâm**	**6**	**5**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Trung tâm GDNN-GDTX Lập Thạch	1	1	1	0	0	0	0	0			0	0	0	0	0	0		0						
2	Trung tâm GDNN-GDTX Tam Dương	2	2	1	0	0	0	0	0	0			1	0	0	0	0		0						
3	Trung tâm GDNN-GDTX Vĩnh Tường	1	1	0	0	0	0	0	0		1	0	0	0	0	0	0		0						
4	Trung tâm GDNN-GDTX Mai Châu	1	1										1						0						
5	Trung tâm GDNN-GDTX Lạc Sơn	1	0																1		1				

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẤP MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Kế hoạch số 9948/KH-UBND ngày … năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Xã, phường	Tổng	CẤP MẦM NON							CẤP TIỂU HỌC													CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ																					
			Tổng	Giáo viên	Nhân viên					Tổng	Giáo viên							Nhân viên					Tổng	Giáo viên															Nhân viên					
					Tổng	Kế toán	Văn thư	Thư viện	Y tế		Tổng	Văn hóa Tiểu học	Tiếng Anh	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Tin học và công nghệ (Tin học)	Tổng	Thư viện	Văn thư	Kế toán	Y tế		Tổng	Toán	KHTN (Vật lí)	KHTN (Hóa học)	KHTN (Sinh học)	Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí (Lịch sử)	Lịch sử và Địa lí (Địa lí)	Tiếng Anh	GDCD	Công nghệ	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Tin học	Tổng	Thư viện	Thiết bị	Văn thư	Kế toán	Y tế
	Tổng	1490	324	285	39	17	16	4	2	626	601	351	78	71	30	22	49	25	7	10	5	3	542	515	48	47	26	22	79	36	39	69	6	8	34	29	17	36	27	6	13	4	4	0
I	Phú Thọ (cũ)	186	10	0	10	4	6	0	0	119	112	67	13	7	4	1	20	7	1	4	2	0	57	50	2	6	3	1	10	8	8	16	1	1	1	0	0	3	7	0	0	4	3	0
II	Vĩnh Phúc (cũ)	863	225	225	0	0	0	0	0	359	359	200	42	55	23	18	21	0	0	0	0	0	279	279	22	27	14	12	44	20	24	33	2	4	20	16	7	21	0	0	0	0	0	0
III	Hòa Bình (cũ)	443	89	60	29	13	10	4	2	148	130	84	23	9	3	3	8	18	6	6	3	3	206	186	20	22	8	9	22	13	10	26	3	3	8	9	10	12	20	6	13	0	1	0
1	phường Việt Trì	0	0		0					0	0							0					0	0															0					
2	phường Nông Trang	0	0		0					0	0							0					0	0															0					
3	phường Thanh Miếu	0	0		0					0	0							0					0	0															0					
4	phường Vân Phú	5	0		0					4	4	4						0					1	0															1			1		
5	xã Hy Cương	2	0		0					2	2	1	1					0					0	0															0					
6	phường Phú Thọ	1	0		0					1	1	1						0					0	0															0					
7	phường Phong Châu	4	0		0					2	2	2						0					2	1					1										1				1	
8	phường Âu Cơ	2	0		0					2	2		1	1				0					0	0															0					
9	xã Lâm Thao	1	0		0					0	0							0					1	0															1				1	
10	xã Xuân Lũng	12	0		0					11	10	6		2	1		1	1		1			1	1										1					0					
11	xã Phùng Nguyên	0	0		0					0	0							0					0	0															0					
12	xã Bản Nguyên	5	1		1	1				4	4	4						0					0	0															0					
13	xã Phù Ninh	0	0		0					0	0							0					0	0															0					
14	xã Dân Chủ	2	0		0					1	1	1						0					1	1		1													0					
15	xã Phú Mỹ	4	0		0					2	2	2						0					2	2								2							0					
16	xã Trạm Thản	1	0		0					1	1	1						0					0	0															0					
17	xã Bình Phú	2	0		0					1	1	1						0					1	1					1										0					
18	xã Thanh Ba	14	2		2		2			6	6	4					2	0					6	6	1				2		1	1			1				0					
19	xã Quảng Yên	2	0		0					1	1	1						0					1	1								1							0					
20	xã Hoàng Cương	1	1		1	1				0	0							0					0	0															0					
21	xã Đông Thành	0	0		0					0	0							0					0	0															0					
22	xã Chí Tiên	2	0		0					2	2	1					1	0					0	0															0					
23	xã Liên Minh	7	2		2		2			1	0							1		1			4	4						1		1	1					1	0					
24	xã Đoan Hùng	6	0		0					3	3			1	1	1		0					3	3			1		1		1								0					
25	xã Tây Cốc	5	0		0					4	4	2	1				1	0					1	1							1								0					
26	xã Chân Mộng	7	0		0					3	3	3						0					4	4		1			1		1	1							0					
27	xã Chí Đám	7	0		0					7	7	5					2	0					0	0															0					
28	xã Bằng Luân	4	0		0					3	2	1					1	1			1		1	1	1														0					
29	xã Hạ Hòa	1	0		0					1	1		1					0					0	0															0					
30	xã Đan Thượng	3	0		0					2	2	1			1			0					1	0															1			1		
31	xã Yên Kỳ	4	0		0					4	4	2	1				1	0					0	0															0					
32	xã Vĩnh Chân	2	0		0					1	1	1						0					1	1						1									0					
33	xã Văn Lang	1	0		0					1	0							1	1				0	0															0					

STT	Đơn vị hành chính	Tổng	CẤP MẦM NON							CẤP TIỂU HỌC													CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ																						
			Tổng	Giáo viên	Nhân viên					Tổng	Giáo viên							Nhân viên					Tổng	Giáo viên																Nhân viên					
					Tổng	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	Văn thư	Y tế		Tổng	Văn hóa, Tiếng Anh	Tiếng Anh	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Tin học và công nghệ (Tin học)	Tổng	Văn thư	Y tế học đường	Hiệu trưởng	Y tế		Tổng	Văn	Toán	KHTN (Vật lý)	KHTN (Hóa học)	KHTN (Sinh học)	Ngoại ngữ	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh	GDCD	Công nghệ	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Tin học	Tổng	Văn thư	Thiết bị	Y tế học đường	Hiệu trưởng	Y tế
1.1	xã Hiền Lương	3	0		0					1	1						1	0					2	0						1		1							0					
1.2	xã Tân Hòa	3	3		0		0			0	0	0						0					3	0		1			1										0					
1.3	xã Thu Văn	3	0		0					0	0		0		1			0					0	0															0					
1.4	xã Tân Thiện	3	0		0					0	0	1		1				0					0	0															0					
1.5	xã Hiền Quan	7	3		3	0				0	0	0					0	0					3	0															1			1		
1.6	xã Cao Minh	6	0		0				0	0	0							0				0	0	0															0					
1.7	xã Phú Bình	3	0		0				0	0	0							0				0	3	0						1									0					
1.8	xã Hồng Vũ	3	0		0				0	0	0							0				0	3	0			1												0					
1.9	xã Đồng Lương	9	0		0				0	0	0							0				0	9	0															0					
1.10	xã Tiên Lương	3	0		0				0	3	3	1						0				0	0	0															0					
1.11	xã Văn Hiến	6	0		0				0	0	0							0				0	6	0															0					
1.12	xã Tân Sơn	2	0		0				0	2	2	1						0				0	0	0															0					
1.13	xã Minh Hòa	3	0		0				0	0	0							0				0	3	0		3		1				1							0					
1.14	xã Lai Hòa	3	0		0					2	2	1	1					0					1	0															1			0		
1.15	xã Nam Hòa	3	3		3	0				3	3		1				1	0				0	0	0															0					
1.16	xã Long Cốc	6	0		0				0	0	0							0				0	6	0															0					
1.17	xã Tân Văn	3	0		0					0	0			0			0	0					0	0															0					
1.18	xã Thanh Thủy	42	0		0					0	0							0					0	0															0					
1.19	xã Thanh Sơn	9	0		0					0	0							0					0	0															0					
1.20	xã Vĩnh Thái	6	3		3		3			0	0	0	0					0					0	0															0					
1.21	xã Văn Miếu	3	0		0					3	3	1						0					0	0															0					
1.22	xã Cẩm Bình	9	0		0					0	0							0					0	0															0					
1.23	xã Vu Vũ	48	0		0					0	0	1					1	0					0	0		1	1	1	1			1							0					
1.24	xã Thanh Sơn	9	0		0					0	0							0					0	0															0					
1.25	xã Vĩnh Hòa	6	3		3		3			0	0	0	1					0					0	0															0					
1.26	xã Văn Miếu	3	0		0					3	3	1						0					0	0															0					
1.27	xã Cẩm Bình	9	0		0					0	0							0					0	0															0					
1.28	xã Hương Cần	3	0		0					3	0							3		3			0	0						1									0					
1.29	xã Tân Sơn	6	0		0					0	0	0						0					6	0	6														0					
1.30	xã Bảo Lâm	3	0		0					0	0	0					0	0					3	0															0			0		
1.31	xã Tân Lập	3	0		0				0	3	3		1					0				0	0	0															0					
1.32	xã Hương Lâng	3	0		0					3	3	1						0					3	0		-						1							0					
1.33	xã Sơn Lương	3	0		0					3	3	1						0					0	0															0					
1.34	xã Nam Vân	3	0		0					0	0							0					3	0					1										0					
1.35	Xã Tương Sơn	3	0		0					3	3		1					0			1		0	0															0					
1.36	xã Đồng Sơn	9	0		0					0	0							0					0	0															0					
1.37	phường Vĩnh Phúc	58	9	9						27	27	0		0		0							22	22							0					2	0		0						
1.38	phường Vĩnh Yên	88	29	23						35	35	13	4	9	4	5	5						36	36	2	2	3	3	4	2	3	4			7									
1.39	phường Phúc Yên	58	9	3						36	36	13			1								34	34	3	2				3	3	3			3	3								
1.40	phường Xuân Hòa	58	6	6						27	27	9	4	3		3	3						25	25	3				2		3	3			3	3								
1.41	xã Tam Sơn	18	4	4						8	8												6	6	1	1		0		1	0	0												
1.42	xã Bình Xuyên	3	2	2						0	0												0	0																				
1.43	xã Phú Cát	18	7	7						7	7	3		3		3	3						18	18	3	3			3	3		3												
1.44	xã Tiên Lãng	18	7	7						9	9	4	1		1	1							18	18		3	3		2	2	3	3					3	3						
1.45	xã Cấp Thanh	9	4	4						4	4	1											0	0																				
1.46	xã Tiên Lãng	3	0							3	3	1											0	0																				

STT	Đơn vị hành chính	Tổng	CẤP MẦM NON							CẤP TIỂU HỌC												CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ																							
			Tổng	Giáo viên	Nhân viên					Tổng	Giáo viên						Nhân viên					Tổng	Giáo viên																Nhân viên					
					Tổng	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	Văn thư	Y tế		Tổng	Tổng cán bộ Tiếng Anh	Tổng Anh	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Tin học và công nghệ (Tin học)	Tổng	Văn thư	Y tế	Hiệu trưởng	Y tế	Tổng	Tổng	Toán	KHTN (Vật lý)	KHTN (Hóa học)	KHTN (Sinh học)	Ngữ văn	Tiếng dân tộc (Tiếng Ba Na)	Tiếng dân tộc (Tiếng Bru)	Tổng Anh	GDCD	Công nghệ	Giáo dục thể chất	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Tin học	Tổng	Văn thư	Thủ kho	Y tế	Hiệu trưởng	Y tế
77	xã Thanh Hòa	16	9	9						6	6	4	2									8	8	8																				
78	xã Lâm Hòa	16	9	9						6	6	5	5	1								9	9	9		1													1					
79	xã Hòa Lý	17	4	4						7	7	4	1	1		1						6	6	5	2							1							1					
80	xã Bình Hòa	22	9	1						10	10	11	1	1	1		1					1	1														1							
81	xã Tuyên Hòa	13	7	7						4	4	4										6	6	5	5														1					
82	xã Hòa Bình	22	8	5						8	8		1		1							16	16	5	5	1	1	1	1	1	1	5		1		1			1					
83	xã Hòa Sơn	27	7	7						13	13	5	4	1			3					10	10	5		5		5		5	1	1	5		5		1		1					
84	xã Tuân Đường	10	8							8	8											10	10	5	4		1	5	5	2	5	1			4									
85	xã Đức Thuận	9	9							9	9	5	5	5			3					9	9																					
86	xã Đường Lâm	9	9							6	6	5		5		5						9	9	5					5			5												
87	xã Tuân Đường Đông	10	8	8						9	9	5	5	5	5	5	5					13	13		5	5			5	5	5	5	5		5	5								
88	xã Vĩnh Trường	6	3	3						8	8											7	7						2				5											
89	xã Hải Trung	6	6	6						6	6											9	9																					
90	xã Vĩnh Hòa	20	8	8						20	20	9	3	4	3		3					2	2			5		5																
91	xã Vĩnh Ân	31	6	6						14	14	9	5	5								14	14	6			1	1	1			1							1					
92	xã Vĩnh Phú	17	8	8						7	7	3		1								12	12	7		5	1	1	4		5	2												
93	xã Vĩnh Thuận	32	11	11						14	14	11			1	1						9	9	5		5			5															
94	xã Vĩnh Lợi	17	8	8						10	10	7		1	1							5	5		5				5						5									
95	xã Tô Hiệu	18	10	10						6	6		2	3		5						2	2						2			2												
96	xã Lâm Giang	18	6	6						7	7	5	5	5								6	6	5	5		5	5	5			5												
97	xã Tuân Đường	12	4	4						8	8	5					3					2	2		5	5																		
98	xã Ngọc Mỹ	18	4	4						9	9	5	5		5	5	5					7	7		5	5		5	5	5	5			5										
99	xã Hoàng Nguyên	30	19	14						23	23	15	5	5	5	5	5					10	10	5	5	5	5		5					5		5	5							
100	xã Tuấn Lộng	19	10	14						24	24	14	5	5	5	5						11	11						5	5	5					5	5	5	5						
101	xã Hoàng Thuận	32	9	9						22	22	17	5	5	5							9	9		5	5			5															
102	xã Hoàng Tuyến	40	10	15						20	20	15	5	5	5							9	9	5	5				5										5					
103	phường Hòa Bình	14	8	5	8					9	9							10				5	5																	5		5			
104	phường Kỳ Sơn	9	5	1	8					6	6	5						10				2	2						5						5					5					
105	phường Tân Mỹ	9	5	1	8					6	5	5						5		1		6	5						5				5							5	5	5			
106	phường Thống Nhất	9	5	1	8					5	5	5						10				5	5	5					5											5		5			
107	xã Hoàn Mỹ	14	5	1	8					9	9	5						10				8	8	5	5	5				5	5	5								5					
108	xã Lưu Phương	19	5	9	5	5				5	5	5						5			5	10	10	5					5	5		5			5					5				5	
109	xã Hồng Phong	11	8	5	8					8	8	5						8	5	5		8	8	5						5		5								5					5
110	xã Hoàng Văn	8	8	5	8					8	8	5						10				8	8																						
111	xã Đồi Bù	19	5		5		5			8	8	7		7			5	5		5		8	8		5				5							5				5		5	5		
112	xã Cao Sơn	8	8		8					5	5		5					5		5		5	5		5												5		5					
113	xã Bắc Sơn	11	8		8					8	8							8	5		5	8	8			5			5	5		5					5		5		5	5		5
114	xã Quy Đức	7	5		5	5				8	8							10				6	5						5	5		5								5			5		5
115	xã Tân Phong	9	5	5	8					8	5		5					5				6	5						5			5			5					5			5	5	
116	xã Việt Phương	5	5	1	8					5	5	5	5					5	5			5	5						5	5										5					
117	xã Kim Bôi	38	6	5	8					8	8	5	5		5	5		10				18	18		5			5	5	5	5	5			5		5	5	5	10					
118	xã Hòa Sơn	7	5	1	8					5	5	5						10				6	6						5			5								10					
119	xã Hồng Tiến	10	8		8					5	5	5						10				8	8	5	5				5	5		5							5	10					

STT	Xã, phường	Tổng	CẤP MẦM NON							CẤP TIỂU HỌC													CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ																						
			Tổng	Trông trẻ	Nhóm/ lớp					Tổng	Nhóm/ lớp							Nhóm/ lớp					Tổng	Nhóm/ lớp																Nhóm/ lớp					
					Tổng	Mẫu giáo	Trẻ em 5 tuổi	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ (%)		Tổng	Tiếng Anh	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng dân tộc (chữ viết)	Tiếng dân tộc (Nói thuần)	Giáo dục thể chất (Thể dục)	Tổng	Tổng số phòng học	Trong đó phòng học kiên cố	Số lớp ghép	Số giáo viên	Tổng	Tổng	Tiếng Anh	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	Giáo dục thể chất	Giáo dục nghề nghiệp	Tiếng dân tộc (chữ viết)	Tiếng dân tộc (Nói thuần)	Giáo dục thể chất (Thể dục)	Tổng	Tổng số phòng học	Thiết bị	Tin học	Mỹ thuật	Số giáo viên
110	xã Hòa Kiều	27	0	1	0					4	4	2	2					0					22	22	0			1	1			1			1			2	0					
111	xã Tân Sơn	16	0	1	0					0	0		0				0	0					17	17		2	4	0	0	2	1						0	0	0					
112	xã Lục Sơn	1	0	0	0					0	0	0						0					2	2								1							0					
113	xã Hương Vinh	3	0	0	0					0	0							0					4	4	0							0							0					
114	xã Bắc Hồng	1	0	0	0					1	1		1					0					4	4															0					
115	xã Ngọc Sơn	3	0	0	0					0	0							0					5	3	2				1			1							0					
116	xã Nhân Nghĩa	2	0	2	0					0	0							0					3	3					1										0					
117	xã Quyết Thắng	8	0	0	0		0			4	4	1	0	1				0					4	0								1	1						0					
118	xã Thượng Cốc	3	0	0	0					0	0							0					3	3					1							0				0	0				
119	xã Tân Phú	0	0	0	0					0	0							0					0	0															0					
120	xã Lương Sơn	16	0	0	0					0	4	0						1	0				0	0															0	0				
121	xã Lục Thượng	23	0	0	0					23	23	6	1		2	0	0	0					18	18	0		0		2	1		0				2	0		0					
122	xã Lâm Sơn	49	7	0	0	0				36	30	14	0	6			0	0					36	30	0	2				2	0			0		0	0	0	1	1				
123	xã Mỏ Vàng	20	7	0	7	0	2	2	0	7	0	0	1					1		1			13	0		1	1	1	0	1						0			0		2	1	0	0
124	xã Hoa Ve	12	0	0	2	0	0			4	4	0	1					0					0	0															0					
125	xã Phú Hộ	11	0	0	2	0			0	0	4	0						1			0		0	0		1													0					
126	xã Hồ Ca	10	0	0	0	0		0		0	4	0						1	0				0	0				1				1							0					
127	xã Tân Miai	12	0	0	0	0	0			0	0	1	1					0					0	0		1					1		1			0	0		0					
128	xã Tân Lạc	10	2	0	0					0	4	2	1				0	1				0	1	0															0					0
129	xã Hương Sơn	0	0		0					0	0	0	0					0					0	0															0					
130	xã Hương Minh	0	0	0	0	0				0	0							0					2	0					0										0					
131	xã Vinh Thắng	0	0	0	0					0	0							0					0	0	0														0			0		
132	xã Tân Sơn	0	0		0					0	0							0					2	0	0				0										0					
133	xã Tân Tiến	0	0		0					0	0							0					0	0															0					
134	xã Tân Lương	0	0		0					0	0							0					0	0															0					
135	xã Tân Yên	0	0		0					0	0							0					0	0															0					
136	xã Lục Ngạn	1	0		0					0	1	1						0					0	0															0					
137	xã Sơn Động	2	0		0					0	0	1		1		0		0					2	0														2	0					
138	xã Vân Sơn	6	0		0					0	0	1	1					0					4	0				0	0										0		1			